

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày 19-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Nguyễn Thanh Rục

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh V; sinh năm: 1973.

- Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2023 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2020, ông Đ có làm chủ hội, cụ thể: Dây hội khai ngày 10/8/2020 (Âm lịch) là dây hội 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng, có 43 chân. Ông L vô 01 chân, đóng được 31 lần đã hết rồi. Hiện ông L còn nợ lại 12 kỳ với số tiền $12 \times 1 \text{ chân} \times 2.000.000$ (Hai triệu) đồng = 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Đến 10 tháng 4 năm 2023, thì ông L ngưng không đóng hội tiếp và hiện còn nợ lại ông Đ số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho ông số tiền hội là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Vào ngày 15/11/2019 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Ánh D (tên trong giấy tờ Nguyễn Thị Ánh V) có rủ ông hùn vốn chơi hội mùa, nên ông có chơi một dây. Dây hội mùa có 22 chân, hội 5.000.000 (Năm triệu đồng)/mùa. Một năm khai 03 lần vào ngày 15 tháng 02, ngày 15 tháng 07 và ngày 15 tháng 11 (âm lịch). Bắt đầu khai vào ngày 15/11/2019 (Âm lịch). Dây hội này khai đến ngày 15/02/2023 (âm lịch) được 11 lần. Đến ngày 10/4/2023 (Âm lịch) ông Đ công bố bế hội. Tính đến thời điểm hiện tại tại vợ chồng ông Đ còn nợ ông số tiền là: Hội của 11 lần $\times 5.000.000$ đồng = 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng, trừ tiền đầu thảo là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng, thì còn 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L, yêu cầu vợ chồng ông hoàn trả tiền hội 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng, thì ông thừa nhận có nợ tiền hội của ông L là 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng. Số tiền nợ hội này không liên quan đến vợ của ông là bà Nguyễn Thị Ánh V. Chữ viết, chữ ký “ Dân, Nguyễn Ánh D” trong Bản hùn vốn/hội tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng là do ông ký. Ông đồng ý trả số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng cho ông L, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh V có trách nhiệm cùng trả. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn, ông xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm trả cho ông số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh V có trách nhiệm liên đới cùng ông Đ trả tiền cho ông với số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông thống nhất còn thiếu ông Đ số tiền hội là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng và thống nhất trả một lần số tiền 24.000.000 (Hai triệu bốn triệu) đồng cho ông Đ với điều kiện ông Đ phải trả một lần cho ông số tiền ông Đ còn thiếu của ông là 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh V trình bày: Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L buộc bà và ông Nguyễn Thành Đ cùng có trách nhiệm trả cho ông L số tiền hội 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng thì bà không đồng ý. Do

bà không biết việc hui này. Việc chơi hui, gom hui là do chồng của bà ông Nguyễn Thành Đ làm, bà không có liên quan và không biết. Ngoài ra bà cũng không có ký tên vào Bản hùng vốn/ hui thàng 5.000.000 đồng lập ngày 15/11/2019 (AI), do bà không biết chữ. Nên việc ông L yêu cầu bà trả tiền hui, bà không đồng ý, vì không có liên quan.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ánh V.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L xin thay đổi một phần yêu cầu phản tố, cụ thể: Ông chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm trả cho ông số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh V cùng có trách nhiệm liên đới. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu phản tố của bị đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu, nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hui từ năm 2020 còn nợ lại 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng. Xét thấy, tại tòa bị đơn thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc mở hui, tham gia hui, góp hui và còn nợ hui như nguyên đơn trình bày là đúng sự thật, hiện bị đơn còn thiếu nguyên đơn tiền hui 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hui từ năm 2019 còn nợ lại 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng. Tại tòa, nguyên đơn cũng thừa nhận quá trình tham gia dây hui của ông L, sau khi kết toán ông còn nợ bị đơn số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng là có căn cứ; Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng là có cơ sở, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với việc bị đơn ông Nguyễn Văn L thống nhất trả một lần số tiền 24.000.000 (Hai triệu bốn triệu) đồng cho ông Đ với điều kiện ông Đ cũng phải thanh toán một lần cho ông L số tiền ông Đ còn thiếu của ông L là 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ không đồng ý thanh toán một lần cho ông L mà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi dứt số nợ 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng và ông L cũng không chấp nhận cho ông Đ trả dần. Do đó, yêu cầu này của các đương sự HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vụ đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 và khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.625.000 (Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườn và điem đ, khoản 1 Điều 12; khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Đ số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 52.500.000 (Năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng nguyên đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu là 2.625.000 (Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 (Sáu trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010178 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Đ còn phải nộp 2.025.000 (Hai triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn) đồng. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà